

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 1,2,3 - NĂM 2025

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	54212310065	Trà Hoàng	An	29/05/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,5	2,78	Khá	đ1
2	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	Nam	Thanh Hóa	01PM15C1	15	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	7,2	2,55	Khá	đ1
3	54212310022	Trần Lê Thanh	Bảo	22/10/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,3	2,80	Khá	đ1
4	54222320136	Tạ Hữu	Công	06/09/1992	Nam	Nghệ An	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,9	3,14	Giỏi	đ1
5	54212320052	Nguyễn Văn	Dinh	20/04/1999	Nam	Sóc Trăng	01PM16A1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,2	3,38	Giỏi	đ1
6	54222320010	Phạm Trường	Duy	18/04/1995	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,9	3,28	Giỏi	đ1
7	54212320038	Nguyễn Thị Hồng	Đào	10/12/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01PM16A1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	9,0	3,90	Xuất sắc	đ1
8	54222320016	Hoàng Thành	Đạt	21/03/2002	Nam	Nghệ An	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,4	3,48	Giỏi	đ1
9	54222320063	Lê Chúc	Giang	21/08/2003	Nữ	Cà Mau	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,8	3,66	Xuất sắc	đ1
10	54222320081	Lương Đình	Hoàng	23/08/1995	Nam	Khánh Hoà	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,7	3,72	Xuất sắc	đ1
11	54222310022	Nguyễn Lê	Huân	18/06/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,6	3,54	Xuất sắc	đ1
12	54222320075	Hà Huy	Hùng	25/08/1992	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,7	3,64	Xuất sắc	đ1
13	54222310161	Nguyễn Minh	Khang	22/06/2002	Nam	An Giang	02PM16D1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2026	53	8,1	3,18	Giỏi	đ1
14	54222320018	Nguyễn Minh	Khuong	16/08/1999	Nam	An Giang	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,3	3,28	Giỏi	đ1
15	54212320011	Lê Thành	Lộc	20/06/1991	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16A1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	9,1	3,82	Xuất sắc	đ1
16	54212320002	Nguyễn Thành	Luân	26/04/2004	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16A1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,1	3,26	Giỏi	đ1
17	54222320092	Lê Duy Quốc	Nam	12/04/1998	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,8	3,04	Giỏi	đ1
18	54222320066	Bùi Văn	Nghĩa	20/02/1995	Nam	Thái Bình	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,7	3,04	Giỏi	đ1
19	54222330040	Trần	Ngoan	28/01/1994	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	8,0	3,25	Giỏi	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
20	54222310025	Thái Quỳnh	Như	21/05/2002	Nữ	Sóc Trăng	02PM16D1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2026	53	8,3	3,42	Giỏi	đ1
21	54222310023	Đỗ Thái	Tài	27/03/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16D1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2026	53	8,3	3,36	Giỏi	đ1
22	54222320034	Nguyễn Văn	Tân	19/09/2001	Nam	Thừa Thiên Huế	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,7	3,10	Giỏi	đ1
23	54222310080	Nguyễn Thanh	Tùng	05/04/1996	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02PM16B1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,9	3,24	Giỏi	đ1
24	54222310052	Văn Thị Thùy	Trâm	9/10/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2023-2026	53	8,6	3,64	Xuất sắc	đ1
25	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DD14C1	14	Điều dưỡng	2021-2023	63	6,3	2,26	Trung bình	đ1
26	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD15A2	15	Điều dưỡng	2022-2024	67	7,0	2,48	Trung bình	đ1
27	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/05/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD13C2	13	Điều dưỡng	2020-2023	63	6,2	2,13	Trung bình	đ1
28	2193360105	Lê Hoàng Hương	Thảo	06/12/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD12C1	12	Điều dưỡng	2019-2022	63	6,0	2,03	Trung bình	đ1
29	2223360546	Lý Bảo	Thuận	31/01/1989	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DD15D1	15	Điều dưỡng	2022-2025	67	8,1	3,19	Giỏi	đ1
30	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	Nữ	An Giang	02DD15C2	15	Điều dưỡng	2022-2025	67	7,1	2,58	Khá	đ1
31	2213360055	Phạm Bá	Vinh	26/07/1993	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DD14D1	14	Điều dưỡng	2021-2024	63	6,9	2,61	Khá	đ1
32	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	Nam	Quảng Trị	02DS15A2	15	Dược	2022-2024	73	7,0	2,37	Trung bình	đ1
33	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/06/1991	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DS15C2	15	Dược	2022-2024	73	7,8	3,07	Giỏi	đ1
34	2223180063	Bùi Thị Kim	Kiều	15/12/1987	Nữ	Bình Thuận	02DS15B2	15	Dược	2022-2024	73	7,2	2,71	Khá	đ1
35	1213360097	Nguyễn Thái Phương	Khanh	25/10/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DS14C1	14	Dược	2021-2023	71	6,3	2,20	Trung bình	đ1
36	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	02DS15C2	15	Dược	2022-2025	73	6,8	2,44	Trung bình	đ1
37	1213360089	Nguyễn Yến	Mỹ	30/3/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DS14C1	14	Dược	2021-2023	71	6,1	2,08	Trung bình	đ1
38	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/08/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01DS14A1	14	Dược	2021-2023	71	6,1	2,08	Trung bình	đ1
39	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,6	2,30	Trung bình	đ1
40	2223360366	Phan Văn	Tài	27/07/2007	Nam	Thanh Hóa	02DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,2	2,09	Trung bình	đ1
41	2223360044	Võ Thị Thủy	Tiên	09/09/2002	Nữ	Đồng Nai	02DS15C2	15	Dược	2022-2025	73	7,5	2,84	Khá	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
42	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	Nữ	Trà Vinh	02DS15D2	15	Dược	2022-2025	73	6,9	2,37	Trung bình	đ1
43	1223360180	Lưu Thị Minh	Thùy	02/01/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,2	2,07	Trung bình	đ1
44	2223240159	Trần Thị	Thùy	20/03/1983	Nữ	Bình Thuận	02DS15B2	15	Dược	2022-2024	73	7,4	2,73	Khá	đ1
45	2223240275	Huỳnh Ngọc Kiều	Trinh	03/12/2001	Nữ	An Giang	02DS15A2	15	Dược	2022-2024	73	6,7	2,30	Trung bình	đ1
46	2223240086	Bùi Giang Nguyên	Trinh	26/10/1994	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DS15B2	15	Dược	2022-2024	73	8,6	3,59	Xuất sắc	đ1
47	2223180080	Lê Xuân	Trường	19/06/2004	Nam	Ninh Bình	02DS15A2	15	Dược	2022-2024	73	6,6	2,30	Trung bình	đ1
48	54232320005	Nguyễn Thị Thúy	An	26/10/1993	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,1	3,23	Giỏi	đ1
49	54212320013	Trần Minh	Chiến	22/12/1996	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	2,98	Khá	đ1
50	0213240018	Nguyễn Thị Lệ	Dung	30/08/1988	Nữ	Tiền Giang	02KT14E1	14	Kế toán doanh nghiệp	2021-2023	50	9,0	3,86	Xuất sắc	đ1
51	54222320086	Mai Nhựt	Duy	22/01/2004	Nam	Đồng Tháp	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,9	3,11	Giỏi	đ1
52	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT15E1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	7,8	3,09	Giỏi	đ1
53	54222310054	Nguyễn Thị Ánh	Dương	22/09/2005	Nữ	Quảng Trị	02KT16D1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2026	50	7,2	2,51	Khá	đ1
54	54232330001	Lê Quang	Điệp	17/12/1990	Nam	Thái Bình	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,5	3,40	Giỏi	đ1
55	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ	Hạnh	15/05/2007	Nữ	Đồng Tháp	02KT15C1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	7,8	3,04	Giỏi	đ1
56	54222320044	Trần Thị Thu	Hằng	29/03/1998	Nữ	Đồng Nai	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	9,1	3,83	Xuất sắc	đ1
57	54232320032	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	06/04/2004	Nữ	Đồng Nai	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,2	3,32	Giỏi	đ1
58	54232320017	Võ Minh	Hiếu	28/07/1996	Nam	Tiền Giang	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,9	3,38	Giỏi	đ1
59	54232320013	Trần Thị	Hoa	12/12/1995	Nữ	Bạc Liêu	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,6	2,96	Khá	đ1
60	54232330003	Nguyễn Văn	Hoàng	01/09/1988	Nam	Khánh Hoà	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,2	2,79	Khá	đ1
61	1213240045	Trương Ngọc	Huệ	25/05/2003	Nữ	Tây Ninh	01KT14A1	14	Kế toán doanh nghiệp	2021-2023	50	6,2	2,17	Trung bình	đ1
62	54212320041	Cao Hoàng	Huy	02/03/2001	Nam	Long An	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	2,94	Khá	đ1
63	54222320113	Phan Thị Thuý	Kiều	16/04/2001	Nữ	Long An	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,4	3,38	Giỏi	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
64	54222320080	Lê Hồng Hải	Khánh	19/01/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16A1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,9	3,11	Giỏi	đ1
65	54232330007	Lê Anh	Khoa	22/01/1999	Nam	Bình Định	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,8	2,96	Khá	đ1
66	54222320104	Phạm Hồng Gia	Linh	30/09/1995	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,8	3,06	Giỏi	đ1
67	54222320038	Nguyễn Hoàng	Long	25/06/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	3,00	Giỏi	đ1
68	54222320056	Nguyễn Thị	Murót	21/07/1999	Nữ	Bến Tre	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,2	3,21	Giỏi	đ1
69	54222320031	Trần Thị Trúc	My	13/11/1999	Nữ	Sóc Trăng	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,0	3,06	Giỏi	đ1
70	54232320011	Trần Thị Tuyết	Nga	30/04/1998	Nữ	Khánh Hoà	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	2,96	Khá	đ1
71	54212320029	Thi Thảo	Ngân	02/01/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16A1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	9,0	3,66	Xuất sắc	đ1
72	54212320023	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	02/01/2002	Nữ	Tây Ninh	02KT16A1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,7	3,74	Xuất sắc	đ1
73	54232320031	Trần Thị Ánh	Ngân	12/01/1993	Nữ	Đồng tháp	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,9	3,26	Giỏi	đ1
74	54222320100	Cao Thị Ngọc	Nhung	20/03/1997	Nữ	Bình Thuận	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,2	3,17	Giỏi	đ1
75	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Như	12/08/1994	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT12D1	12	Kế toán doanh nghiệp	2019-2022	50	7,5	3,00	Khá	đ1
76	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT15C1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	7,3	2,87	Khá	đ1
77	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT15C1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2024	50	7,0	2,64	Khá	đ1
78	54232320014	Đỗ Thị Mỹ	Phương	29/10/1984	Nữ	Hải Phòng	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,1	3,43	Giỏi	đ1
79	54232330004	Nguyễn Viết	Sáng	11/07/1994	Nam	Nghệ An	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,4	2,83	Khá	đ1
80	54222310003	Lê Ngọc Mỹ	Tiên	27/07/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16C1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,6	3,57	Xuất sắc	đ1
81	54232320035	Nguyễn Thị	Thảo	28/02/1996	Nữ	Ninh Thuận	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,3	2,79	Khá	đ1
82	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT15E1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	7,3	2,72	Khá	đ1
83	54222330029	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	25/11/1999	Nữ	Tiền Giang	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,0	3,21	Giỏi	đ1
84	54232320037	Hà Thị Tuyết	Thương	09/06/1993	Nữ	Bình Định	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	2,87	Khá	đ1
85	54222320152	Lê Thị Quỳnh	Trâm	21/03/1984	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,5	3,49	Giỏi	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
86	54222320058	Nguyễn Thị Tú	Trinh	27/03/2002	Nữ	Đắk Nông	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,7	2,87	Khá	đ1
87	54222330022	Nguyễn Thị Anh	Trúc	25/02/1994	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16A1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,5	3,59	Xuất sắc	đ1
88	54222320052	Đào Thị Tú	Uyên	16/11/2003	Nữ	Yên Bái	02KT16B1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,5	2,96	Khá	đ1
89	54212320020	Trần Lê Như Ánh	Xuân	15/01/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,9	3,19	Giỏi	đ1
90	54222310176	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	14/03/1998	Nữ	Cần Thơ	02KT16C1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2026	50	8,8	3,79	Xuất sắc	đ1
91	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	8,2	3,31	Giỏi	đ1
92	2223360102	Nguyễn Thị	Dương	22/09/2002	Nữ	Đắk Lắk	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	8,2	3,27	Giỏi	đ1
93	2213240199	Trần Phạm Tuấn	Kiệt	13/10/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02MK14C1	14	Marketing	2021-2024	51	7,2	2,84	Khá	đ1
94	2213360245	Nguyễn Quốc	Khang	13/5/2003	Nam	Cần Thơ	02MK14C1	14	Marketing	2021-2024	51	7,5	3,01	Khá	đ1
95	2223360427	Nguyễn Lý Ánh	Linh	09/05/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15D1	15	Marketing	2022-2024	51	7,4	2,88	Khá	đ1
96	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	Nam	Kiên Giang	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	8,1	3,25	Giỏi	đ1
97	2223360328	Đào Văn	Nam	17/12/2004	Nam	Bình Định	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	7,9	3,04	Giỏi	đ1
98	54222320082	Hoàng Mai	Nam	15/07/2002	Nam	Đồng Nai	02MK16A1	16	Marketing	2023-2025	51	8,6	3,56	Xuất sắc	đ1
99	2213360360	Nguyễn Thị Thiên	Nga	22/09/2004	Nữ	Quảng Trị	02MK14D1	14	Marketing	2021-2024	51	7,5	2,99	Khá	đ1
100	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	Nữ	Quảng Ngãi	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	7,8	2,98	Khá	đ1
101	54222310031	Lê Thị	Nguyệt	04/05/2004	Nữ	Thanh Hóa	02MK16C1	16	Marketing	2023-2025	51	8,5	3,40	Giỏi	đ1
102	1223240091	Huỳnh Vương Bảo	Phúc	06/05/2003	Nam	Tây Ninh	01MK15A1	15	Marketing	2022-2024	51	7,7	2,98	Khá	đ1
103	2203240272	Văn Minh	Quốc	10/10/2002	Nam	Bình Định	02MK13A1	13	Marketing	2020-2022	51	6,1	2,10	Trung bình	đ1
104	2223360056	Lê Thị	Tâm	02/10/1999	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	7,7	2,98	Khá	đ1
105	1213360126	Nguyễn Liên	Thành	12/12/2006	Nam	Long An	01MK14C1	14	Marketing	2021-2023	51	7,3	2,85	Khá	đ1
106	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15C1	15	Marketing	2022-2025	51	7,8	2,96	Khá	đ1
107	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	Nữ	Khánh Hoà	02MK15C1	15	Marketing	2022-2024	51	8,1	3,17	Giỏi	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
108	54222310096	Nguyễn Huyền	Trang	13/12/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK16C1	16	Marketing	2023-2025	51	6,7	2,35	Trung bình	đ1
109	2223360339	Trương Nguyễn Mỹ	Vi	15/09/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15C1	15	Marketing	2022-2024	51	7,6	2,88	Khá	đ1
110	2223240280	Trần Quốc	Bảo	18/05/1996	Nam	Đắk Lắk	02DN15B1	15	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2022-2024	51	7,4	2,81	Khá	đ1
111	2213360142	Trần Văn	Bắc	15/08/2003	Nam	Đắk Lắk	02DN14D1	14	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2021-2024	51	7,6	3,08	Khá	đ1
112	2223360132	Huỳnh Quốc	Cường	05/07/1999	Nam	Long An	02DN15D1	15	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2022-2025	51	8,0	3,42	Giỏi	đ1
113	2213360251	Lê Nhật	Hào	30/04/2000	Nam	Đồng Nai	02DN14D1	14	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2021-2024	51	7,7	3,19	Khá	đ1
114	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	Nữ	Tiền Giang	02DN16E1	16	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	8,3	3,27	Giỏi	đ1
115	54222310021	Nguyễn Hồ Ngọc	Phong	20/09/1987	Nam	Vĩnh Long	02DN16E1	16	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2026	51	7,8	2,96	Khá	đ1
116	2223360382	Võ Thành	Tài	27/02/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DN15C1	15	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2022-2024	51	6,7	2,31	Trung bình	đ1
117	54232320033	Võ Hồng	Thiện	20/06/1994	Nam	Gia Lai	02DN16E1	16	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	7,5	2,81	Khá	đ1
118	54232320018	Nguyễn Kiều	Trinh	30/12/1999	Nữ	Bình Định	02DN16E1	16	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	9,1	3,88	Xuất sắc	đ1
119	54232320022	Đào Thị Tường	Vi	06/07/1997	Nữ	Quảng Nam	02DN16E1	16	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	8,3	3,29	Giỏi	đ1
120	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM15C1	15	Quản trị mạng máy tính	2022-2024	52	6,4	2,20	Trung bình	đ1
121	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	Nam	Bình Thuận	01TM15C1	15	Quản trị mạng máy tính	2022-2025	52	6,2	2,02	Trung bình	đ1
122	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM13C1	13	Quản trị mạng máy tính	2020-2023	52	6,1	2,01	Trung bình	đ1
123	1223360054	Hà Hoài	Nam	27/08/2004	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM15C1	15	Quản trị mạng máy tính	2022-2025	52	7,8	3,06	Giỏi	đ1
124	1213360101	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	30/09/2006	Nữ	Hà Nam	01TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2023	52	6,8	2,53	Khá	đ1
125	1213360121	Phạm Minh	Phúc	19/03/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2024	52	6,7	2,46	Trung bình	đ1
126	2223360408	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	Nữ	Hải Phòng	02DH15C2	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	7,6	3,00	Giỏi	đ1
127	1223360272	Nguyễn Tuyết	Hạnh	28/11/2006	Nữ	Bình Định	01DH15C1	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	6,5	2,16	Trung bình	đ1
128	54222330027	Hoàng Thị Bích	Hào	20/03/1985	Nữ	Khánh Hoà	02DH16A1	16	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	9,4	3,93	Xuất sắc	đ1
129	2223360399	Lê Thị Xuân	Hương	23/09/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DH15C2	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	7,3	2,84	Khá	đ1

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
130	54222320157	Nguyễn Duy	Khương	25/05/2005	Nam	Đồng Tháp	02DH16A2	16	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	8,7	3,70	Xuất sắc	đ1
131	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	04/08/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DH15C1	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	8,1	3,16	Giỏi	đ1
132	1223360173	Lê Huy	Phong	10/05/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01DH15C1	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	7,5	2,86	Khá	đ1
133	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	Nam	Vĩnh Phúc	02DH15C3	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	6,5	2,16	Trung bình	đ1
134	2213360016	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	18/01/1999	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DH14C1	14	Thiết kế đồ họa	2021-2024	52	7,5	3,11	Khá	đ1
135	54222310203	Lương Gia	Thịnh	22/01/2004	Nam	Vĩnh Long	02DH16C2	16	Thiết kế đồ họa	2023-2026	53	7,8	2,96	Khá	đ1
136	54222310145	Nguyễn Nguyễn Nam	Trần	14/12/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DH16C2	16	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	7,6	3,00	Giỏi	đ1
137	54222310131	Nguyễn Hoàng	Trình	21/05/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DH16C2	16	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	7,0	2,54	Khá	đ1
138	54222420075	Đinh Mạnh	Cường	22/09/1995	Nam	Đồng Nai	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	6,6	2,35	Trung bình	đ1
139	2223240225	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	Nam	Tiền Giang	02YS15A2	15	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	7,2	2,58	Khá	đ1
140	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	Nam	Đắk Lắk	02YS15A2	15	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	6,6	2,13	Trung bình	đ1
141	2213360293	Siu	H'Ly	25/06/2000	Nữ	Gia Lai	02YS14C1	14	Y sỹ đa khoa	2021-2024	60	7,0	2,65	Khá	đ1
142	2223360601	Vũ Thị	Huyền	30/11/2002	Nữ	Ninh Bình	02YS15D1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2025	70	6,7	2,48	Trung bình	đ1
143	2223360517	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	21/11/1994	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS15D1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2025	70	7,4	2,72	Khá	đ1
144	2213240144	Nguyễn Đăng	Nguyễn	30/12/2003	Nam	Tiền Giang	02YS14A1	14	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	7,3	2,89	Khá	đ1
145	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	Nam	An Giang	02YS15C1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	7,8	3,06	Giỏi	đ1
146	2213360329	Đoàn Nguyễn Thiện	Phú	27/07/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS14C1	14	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	6,7	2,52	Khá	đ1
147	54222330067	Nguyễn Duy	Toàn	10/12/1992	Nam	Bình Định	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,7	3,71	Xuất sắc	đ1
148	2213240189	Bùi Văn	Thanh	05/02/2002	Nam	Bình Phước	02YS14A1	14	Y sỹ đa khoa	2021-2023	60	7,4	3,04	Khá	đ1
149	1223360047	Hứa Quang	Vũ	24/11/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01YS15C1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	6,4	2,19	Trung bình	đ1
150	2203180109	Lê Hải	Yến	29/09/1988	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS13A2	13	Y sỹ	2020-2022	60	6,6	2,48	Trung bình	đ1
151	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM15C1	15	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	6,3	2,10	Trung bình	đ2

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
152	54212310053	Trần Tô Minh	Thiện	15/07/2008	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01PM16C1	16	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,9	3,18	Giỏi	đ2
153	54222310148	Huỳnh Mai	Vy	25/06/2008	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02PM16C1	16	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,1	2,60	Khá	đ2
154	54212320019	Nguyễn Minh Hải	Ấu	20/11/1987	Nam	Long An	01DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	8,1	3,34	Giỏi	đ2
155	54222330056	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	25/11/1991	Nữ	Hung Yên	02DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	7,5	2,97	Khá	đ2
156	1223360051	Võ Tấn	Đạt	07/03/2007	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01DD15C1	15	Điều dưỡng	2022-2024	67	6,2	2,11	Trung bình	đ2
157	54212330013	Phạm Thái	Hào	31/12/2005	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	8,0	3,31	Giỏi	đ2
158	54222320159	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/08/1994	Nữ	Đồng Nai	02DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	8,8	3,66	Xuất sắc	đ2
159	54222320072	Lê Thị	Huyền	29/03/1999	Nữ	Nghệ An	02DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	7,8	3,10	Giỏi	đ2
160	1223360074	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	22/08/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DD15C1	15	Điều dưỡng	2022-2024	67	6,6	2,28	Trung bình	đ2
161	1223360075	Nguyễn Ngọc Thúy	Linh	22/08/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DD15C1	15	Điều dưỡng	2022-2024	67	6,7	2,30	Trung bình	đ2
162	54212330011	Hồ Kim	Ngân	11/07/1995	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	8,7	3,60	Xuất sắc	đ2
163	2203240093	Nguyễn Thủy	Tiên	10/08/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD13A1	13	Điều dưỡng	2020-2022	63	6,0	2,11	Trung bình	đ2
164	54222320102	Lê Diễm	Thúy	09/09/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DD16A1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	7,2	2,78	Khá	đ2
165	54222330035	Đỗ Quang	Trường	20/07/1987	Nam	Đồng Nai	02DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	7,2	2,64	Khá	đ2
166	54222330065	Nguyễn Thị	Yến	18/06/1996	Nữ	Hải Dương	02DD16B1	16	Điều dưỡng	2023-2025	70	8,5	3,54	Xuất sắc	đ2
167	2203240013	Lê Đỗ Huỳnh	Đạt	14/08/1997	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DL13A1	13	Hướng dẫn du lịch	2020-2022	56	7,3	2,90	Khá	đ2
168	2223240236	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/03/2003	Nữ	Tiền Giang	02MK15A1	15	Marketing	2022-2024	51	8,4	3,33	Giỏi	đ2
169	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	10/12/2007	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15C1	15	Marketing	2022-2024	51	6,7	2,35	Trung bình	đ2
170	2193360121	Nguyễn Thị	Thùy	18/04/2000	Nữ	Đồng Tháp	02MK12C1	12	Marketing	2019-2022	51	7,5	3,00	Khá	đ2
171	2223360581	Nguyễn Tiết	Minh	10/12/1991	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DN15D1	15	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2022-2025	51	8,3	3,38	Giỏi	đ2
172	2223360519	Nguyễn Quang	Duy	10/09/2006	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02TM15C1	15	Quản trị mạng máy tính	2022-2025	52	8,4	3,51	Xuất sắc	đ2
173	1203360149	Trần Văn	Huy	08/03/2005	Nam	An Giang	01TM13C1	13	Quản trị mạng máy tính	2020-2023	52	6,1	2,14	Trung bình	đ2

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
174	2223240248	Võ Kim	Ngọc	01/06/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02DH15A3	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	6,4	2,20	Trung bình	đ2
175	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02DH15C1	15	Thiết kế đồ họa	2022-2025	52	6,2	2,06	Trung bình	đ2
176	54222320132	Trần Linh	An	26/01/2001	Nữ	Thái Bình	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,6	3,01	Giỏi	đ2
177	54222330057	Đặng Thị	An	12/07/1996	Nữ	Hà Tĩnh	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,7	3,08	Giỏi	đ2
178	54222320095	Lê Hữu	Anh	17/07/1992	Nam	Lâm Đồng	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,7	3,04	Giỏi	đ2
179	54222320117	Tổng Thị Ngọc	Ánh	21/07/1994	Nữ	Đắk Lắk	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,5	2,93	Khá	đ2
180	54222320046	Nguyễn Thế	Chiến	28/02/1993	Nam	Quảng Ngãi	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,7	3,09	Giỏi	đ2
181	54222320020	Trần Văn	Dân	11/12/1997	Nam	Đắk Lắk	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,3	3,28	Giỏi	đ2
182	54212320001	Đặng Nguyễn Hoàng	Dung	14/03/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,4	3,46	Giỏi	đ2
183	54222320089	Đoàn Huỳnh Ngọc	Dung	04/04/2005	Nữ	Đồng Nai	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,2	2,66	Khá	đ2
184	54222320017	Nguyễn Ngọc	Duy	19/05/2002	Nữ	An Giang	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,2	3,46	Giỏi	đ2
185	54222330039	Mẫn Thị Thu	Hằng	06/06/1997	Nữ	Lâm Đồng	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,7	3,68	Xuất sắc	đ2
186	54212320049	Đặng Thị Ánh	Huê	26/01/1997	Nữ	Đồng Tháp	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,2	3,34	Giỏi	đ2
187	54222320149	Nguyễn Trường	Khang	12/02/2000	Nam	Thái Nguyên	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,3	2,87	Khá	đ2
188	1213180013	Trần Hải	Lâm	08/08/1999	Nam	Đồng Tháp	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,6	2,86	Khá	đ2
189	54222330016	Vũ Thị	Liên	04/06/1991	Nữ	Lâm Đồng	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,3	2,67	Khá	đ2
190	54222320014	Nguyễn Thị Thanh	Loan	14/03/1979	Nữ	Cần Thơ	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,1	2,69	Khá	đ2
191	54222330052	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1986	Nữ	Trà Vinh	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,4	2,96	Khá	đ2
192	54212330010	Tạ Văn	Minh	19/10/2003	Nam	Hà Nội	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,3	3,44	Giỏi	đ2
193	54222320064	Trần Thị	Mỹ	25/12/2003	Nữ	Đắk Lắk	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	6,8	2,26	Trung bình	đ2
194	54212330017	Nguyễn Huỳnh	Nga	28/09/1998	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,1	3,32	Giỏi	đ2
195	54222320061	Lê Thị Chuyên	Ngọc	14/02/2004	Nữ	Quảng Trị	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,16	Giỏi	đ2

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
196	54222320077	Lưu Thái	Ngọc	02/09/1989	Nữ	Đắk Lắk	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,0	3,24	Giỏi	đ2
197	54222320133	Lâm Tuyết	Nhi	02/02/2005	Nữ	An Giang	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,4	3,51	Xuất sắc	đ2
198	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS15C1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2025	70	7,8	3,13	Giỏi	đ2
199	54222320094	Nguyễn Văn Thiên	Phú	24/02/1993	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	9,0	3,85	Xuất sắc	đ2
200	54222320091	Nguyễn Lê Mai	Phương	04/07/1986	Nữ	An Giang	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,4	2,76	Khá	đ2
201	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS15B1	15	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	8,3	3,33	Giỏi	đ2
202	54212330002	Lê Công	Sơn	15/01/1996	Nam	Long An	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,14	Giỏi	đ2
203	54222320125	Nguyễn Thị Bích	Sự	03/11/2005	Nữ	Bình Định	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,1	2,57	Khá	đ2
204	54222330012	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	27/05/1984	Nữ	Bình Dương	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,4	3,59	Xuất sắc	đ2
205	54212320004	Lê Ngọc Châu	Tuấn	04/07/2002	Nam	Bình Thuận	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,7	3,15	Giỏi	đ2
206	54222330005	Phan Thị Hạnh	Thảo	12/12/1977	Nữ	Tiền Giang	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	9,0	3,91	Xuất sắc	đ2
207	54222330049	Chung Hữu	Thuận	04/02/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,03	Giỏi	đ2
208	54212330003	Trần Thị Ngọc	Thủy	05/05/1984	Nữ	Long An	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,14	Giỏi	đ2
209	54222320129	Đỗ Đoàn Anh	Thư	01/02/2005	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02YS16A1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,5	3,69	Xuất sắc	đ2
210	54212330006	Lê Minh	Trung	10/08/1984	Nam	TP. Hồ Chí Minh	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,8	3,79	Xuất sắc	đ2
211	54212320034	Phạm Thành	Trung	05/03/2005	Nam	Long An	01YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,8	3,71	Xuất sắc	đ2
212	54222330037	Lưu Văn	Uy	26/12/1993	Nam	TP. Hồ Chí Minh	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,12	Giỏi	đ2
213	54212310035	Lê Trung Thành	Đạt	09/05/2008	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01PM16C1	16	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,0	2,48	Trung bình	đ3
214	54222320033	Lê Đình	Ân	13/02/1996	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,1	2,57	Khá	đ3
215	54212330016	Nguyễn Thị Minh	Châu	05/09/1996	Nữ	Đắk Lắk	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,6	2,98	Khá	đ3
216	54212320005	Phạm Thị Phương	Dung	24/04/2000	Nữ	Đắk Lắk	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	8,2	3,18	Giỏi	đ3
217	54222320027	Mai Thị	Dung	05/03/1998	Nữ	Thanh Hóa	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	9,1	3,82	Xuất sắc	đ3

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
218	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,3	2,03	Trung bình	đ3
219	54212330005	Nguyễn Thị Hồng	Hà	20/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,5	2,95	Khá	đ3
220	54212330018	Dương Thúy	Hằng	07/12/1984	Nữ	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,1	3,35	Giỏi	đ3
221	54212320033	Võ Chí	Hiếu	09/10/1993	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,7	3,63	Xuất sắc	đ3
222	54222320035	Lê Minh	Hoàng	31/10/2001	Nam	Thanh Hóa	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	7,5	2,87	Khá	đ3
223	54222320067	Nguyễn Thị Lam	Hồng	16/09/2003	Nữ	Đắk Lắk	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	7,9	3,09	Giỏi	đ3
224	54212320016	Hồ Thị	Hường	20/10/1982	Nữ	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,5	3,41	Giỏi	đ3
225	54222320073	Nguyễn Văn Trung	Kiên	08/04/2002	Nam	Kiên Giang	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,2	2,78	Khá	đ3
226	54212330020	Đặng Thị Thùy	Linh	14/06/1984	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,9	3,05	Giỏi	đ3
227	54222330017	Đinh Thị Việt	Linh	17/10/1983	Nữ	Ninh Bình	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,5	2,74	Khá	đ3
228	54222320069	Trương Mỹ	Linh	21/12/2003	Nữ	Tiền Giang	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,2	2,63	Khá	đ3
229	54222320103	Nguyễn Thị Thanh	Mân	27/11/1996	Nữ	Bình Định	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,8	3,13	Giỏi	đ3
230	2223180040	Trần Thị Ngọc	Mỹ	25/06/1991	Nữ	Đồng Nai	02DS15B1	15	Dược	2022-2024	73	8,0	3,25	Giỏi	đ3
231	54212330014	Đặng Văn	Nựng	19/03/1984	Nam	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,0	2,55	Khá	đ3
232	54212320042	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/02/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,0	2,34	Trung bình	đ3
233	1213240007	Nguyễn Vương Gia	Ngọc	10/12/1999	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS14B1	14	Dược	2021-2023	71	7,0	2,72	Khá	đ3
234	54212320018	Dương Công	Nguyễn	25/05/1997	Nam	Lâm Đồng	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,3	2,72	Khá	đ3
235	54222320057	Nguyễn Việt	Nhân	01/02/2000	Nam	Khánh Hòa	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	8,0	3,28	Giỏi	đ3
236	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	Nữ	Long An	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,6	3,51	Xuất sắc	đ3
237	54212320006	Lê Thị Bình	Nhi	30/01/2000	Nữ	Tây Ninh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,7	3,13	Giỏi	đ3
238	54222330011	Lê Hoài	Như	02/12/1999	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	8,7	3,54	Xuất sắc	đ3
239	1223360217	Thân Thị Hoàng	Phúc	11/03/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS15C1	15	Dược	2022-2025	73	6,6	2,27	Trung bình	đ3

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
240	54222330013	Lê Quang Hồng	Phúc	24/08/1981	Nam	Long An	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,8	2,90	Khá	đ3
241	54212320014	Nguyễn Lưu	Phùng	10/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,0	2,53	Khá	đ3
242	54222330050	Trần Minh	Quân	24/09/2002	Nam	Tiền Giang	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,4	2,79	Khá	đ3
243	54212320022	Trần Minh	Qui	10/11/2002	Nam	Trà Vinh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,6	3,68	Xuất sắc	đ3
244	1223240048	Phạm Xuân	Quyền	24/09/2002	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS15A2	15	Dược	2022-2024	73	7,5	2,89	Khá	đ3
245	1213360088	Đỗ Như	Quỳnh	15/10/2006	Nữ	Hậu Giang	01DS14C1	14	Dược	2021-2023	71	6,4	2,33	Trung bình	đ3
246	54222330064	Trần Thị Như	Quỳnh	24/06/2000	Nữ	Phú Yên	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,6	3,58	Xuất sắc	đ3
247	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	Tâm	11/11/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,3	2,23	Trung bình	đ3
248	54212320046	Châu Văn	Tính	27/08/1995	Nam	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,5	2,82	Khá	đ3
249	1213180016	Lê Thanh	Tú	29/05/1992	Nam	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,7	3,08	Giỏi	đ3
250	2223180028	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	10/12/1991	Nữ	Cần Thơ	02DS16A1	16	Dược	2023-2025	71	8,4	3,36	Giỏi	đ3
251	54222320074	Trần Thạch	Thảo	13/11/2003	Nữ	Long An	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,0	3,28	Giỏi	đ3
252	54212320047	Lê Hồng	Thắm	12/12/2003	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	6,8	2,38	Trung bình	đ3
253	54212330001	Huỳnh Việt	Thắm	28/02/1989	Nam	Tiền Giang	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,0	3,19	Giỏi	đ3
254	54212320024	Huỳnh Thị Diễm	Thùy	26/11/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,3	2,68	Khá	đ3
255	54212320010	Trương Thị	Thúy	02/03/1996	Nữ	Long An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,0	2,46	Trung bình	đ3
256	54222330055	Nguyễn Thị Cẩm	Thư	14/05/1994	Nữ	Đồng Tháp	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,3	2,68	Khá	đ3
257	54212320028	Nguyễn Bảo	Trâm	13/11/2004	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,2	3,31	Giỏi	đ3
258	54212320008	Nguyễn Thị Bích	Trâm	14/08/2004	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	6,5	2,16	Trung bình	đ3
259	54222320139	Trần Trí	Trọng	24/12/2000	Nam	Thanh Hóa	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	8,0	3,18	Giỏi	đ3
260	54212330007	Vũ Đình	Trung	18/02/1985	Nam	Nghệ An	01DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	7,4	2,83	Khá	đ3
261	2223240090	Phạm Mạnh	Trường	10/06/2003	Nam	An Giang	02DS15B2	15	Dược	2022-2024	73	8,3	3,34	Giỏi	đ3

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
											Thang điểm 10	Thang điểm 4		
262	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	17/08/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS15C1	15	Dược	2022-2024	73	6,2	2,07	Trung bình	đ3
263	54222320062	Nguyễn Hoàng Việt	17/11/1989	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DS16B1	16	Dược	2023-2025	71	6,8	2,46	Trung bình	đ3
264	1213180006	Nguyễn Hùng Vương	14/09/1994	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS14B1	14	Dược	2021-2023	71	7,1	2,79	Khá	đ3
265	1213360086	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/09/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS14C1	14	Dược	2021-2023	71	6,2	2,15	Trung bình	đ3
266	1223360063	Nguyễn Thị Kiều Oanh	23/04/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD15C1	15	Điều dưỡng	2022-2025	67	7,0	2,53	Khá	đ3
267	2223360041	Tô Thành Phát	18/12/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DL15C1	15	Hướng dẫn du lịch	2022-2025	56	7,2	2,68	Khá	đ3
268	1213180002	Võ Thị Cẩm An	12/07/1987	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02KT16E1	16	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,8	3,13	Giỏi	đ3
269	2223360584	Thái Kiệt	09/04/2004	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02KT15C1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	7,0	2,49	Trung bình	đ3
270	2213360285	Trần Trung Tín	18/06/1998	Nam	Đồng Tháp	02KT14D1	14	Kế toán doanh nghiệp	2021-2024	50	7,9	3,20	Giỏi	đ3
271	2203360291	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/11/2000	Nữ	An Giang	02KT13D1	13	Kế toán doanh nghiệp	2020-2023	50	8,2	3,40	Giỏi	đ3
272	2223360034	Hoàng Thị Thùy Trang	23/08/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02KT15D1	15	Kế toán doanh nghiệp	2022-2025	50	8,3	3,34	Giỏi	đ3
273	1213360005	Phan Thụy Ngọc Ánh	05/02/2002	Nữ	Tiền Giang	01MK14C1	14	Marketing	2021-2024	51	7,9	3,21	Giỏi	đ3
274	1213360094	Trần Chấn Đông	04/10/2006	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01MK14C1	14	Marketing	2021-2023	51	6,9	2,58	Khá	đ3
275	1213360144	Biện Thái Ngọc Hân	24/07/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01MK14C1	14	Marketing	2021-2023	51	6,9	2,61	Khá	đ3
276	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	08/01/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	02MK15D1	15	Marketing	2022-2025	51	7,7	3,00	Giỏi	đ3
277	2213360152	Lênh Tác Phúc	01/07/2002	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02MK14C1	14	Marketing	2021-2024	51	7,3	2,87	Khá	đ3
278	2223360434	Trần Ngọc Uyên Phương	19/09/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02MK15C1	15	Marketing	2022-2024	51	7,1	2,63	Khá	đ3
279	2213360106	Lê Đào Thái Toàn	31/05/2006	Nam	Đồng Tháp	02MK14C1	14	Marketing	2021-2023	51	7,1	2,71	Khá	đ3
280	54222310030	Nguyễn Hoàng Anh Thư	16/07/2006	Nữ	Bến Tre	02MK16C1	16	Marketing	2023-2025	51	7,8	3,19	Giỏi	đ3
281	1213360022	Lê Hoàng Tú Trinh	30/11/2005	Nữ	Bình Dương	01MK14C1	14	Marketing	2021-2023	51	7,0	2,60	Khá	đ3
282	1223360252	Nguyễn Thiên Hà	16/12/2007	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DN15C1	15	Quản trị DN vừa và nhỏ	2022-2024	51	7,2	2,69	Khá	đ3
283	2223360007	Nguyễn Hoàng Thành	12/12/2000	Nam	Phú Yên	02DN15D1	15	Quản trị DN vừa và nhỏ	2022-2025	51	6,8	2,44	Trung bình	đ3

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Khóa	Ngành học	Niên khóa	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	ĐỢT XÉT
												Thang điểm 10	Thang điểm 4		
284	1213360083	Bùi Quốc	Huy	27/07/2006	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2023	52	6,1	2,15	Trung bình	đ3
285	2213360282	Ngô Phúc	Lộc	06/06/2006	Nam	Đồng Nai	02TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2023	52	7,6	3,02	Khá	đ3
286	1213360147	Hoàng Ngọc Đại	Phát	19/07/2006	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2023	52	6,7	2,55	Khá	đ3
287	1213360093	Huỳnh Minh	Tân	06/02/2006	Nam	Hậu Giang	01TM14C1	14	Quản trị mạng máy tính	2021-2023	52	6,9	2,61	Khá	đ3
288	1223360190	Lâm Quốc	Thịnh	03/12/2007	Nam	Cà Mau	01TM15C1	15	Quản trị mạng máy tính	2022-2024	52	6,1	2,02	Trung bình	đ3
289	2213360206	Phạm Đăng	Khoa	17/07/2006	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DH14C1	14	Thiết kế đồ họa	2021-2023	52	7,5	2,99	Khá	đ3
290	2223360331	Trần Bảo	Trâm	23/09/2007	Nữ	Lào Cai	02DH15C3	15	Thiết kế đồ họa	2022-2024	52	7,0	2,53	Khá	đ3
291	1203360043	Tạ Thanh	Phương	09/02/2004	Nam	Bình Dương	01TW13C1	13	Thiết kế và quản lý website	2020-2023	54	6,3	2,28	Trung bình	đ3
292	2213180056	Mai Bá	Triệu	26/01/1998	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02TW14A1	14	Thiết kế và quản lý website	2021-2023	54	7,2	2,78	Khá	đ3
293	2193360029	Mai Đình	Duy	06/10/2000	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS12C1	12	Y sỹ	2019-2022	60	6,4	2,26	Trung bình	đ3
294	2213360349	Nguyễn Thành	An	19/08/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS14C1	14	Y sỹ đa khoa	2021 - 2024	60	7,4	2,92	Khá	đ3
295	54222320021	Huỳnh Thuận	Đạt	08/09/2000	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,9	3,16	Giỏi	đ3
296	54222320120	Nguyễn Trần Nữ Thủy	Tiên	01/01/2002	Nữ	Đắk Lắk	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	8,1	3,35	Giỏi	đ3
297	54222320036	Vũ Hải	Yến	06/05/2004	Nữ	Thanh Hóa	02YS16B1	16	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,8	3,04	Giỏi	đ3